

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ - ST
Ngày 22 - 8 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ninh Ngọc Tú.
2. Ông Lê Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 04 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện V, thành phố Hà Nội. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn Q, xã L, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Văn T kết hôn ngày 12/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, thành phố Hà Nội. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau và được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh chị chung

sống hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2018 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu say, không tu trí làm ăn, không quan tâm vợ con, kinh tế gia đình, việc nuôi dưỡng các con chủ yếu do chị gánh vác. Đã nhiều lần chị khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh Hoàng Văn T có 02 con chung là Hoàng Thị Y, sinh ngày 18/12/2014, Hoàng Minh Đ, sinh ngày 21/9/2018, hiện nay các con chung đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành. Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu anh Hoàng Văn T cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên do anh T không có việc làm và thu nhập ổn định nên chị không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nữa. Hiện nay chị đang làm công việc kế toán tại Công ty X tại huyện V, thành phố Hà Nội, thu nhập hàng tháng của chị là 6.700.000đồng, vì công việc không bị gò bó về thời gian nên ngoài giờ hành chính chị còn đi làm thêm tại quán ăn, thu nhập từ quán ăn là 4.000.000đồng/tháng. Hiện tại mọi chi phí ăn, học của hai con đều do một mình chị chi trả, chị đảm bảo có đủ điều kiện để nuôi hai con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Đ vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên các nội dung như đã khai tại Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Văn T vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Do không thể thỏa thuận, giải quyết được vụ án nên Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo trình tự tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: - Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ, cho chị Đ được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung là Hoàng Thị Y, sinh ngày 18/12/2014, Hoàng Minh Đ, sinh ngày 21/9/2018 cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Văn T, chị Đ vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Việc vắng mặt của chị Đ, anh T không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Hoàng Văn T có địa chỉ tại thôn Q, xã L, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2012, chị Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Văn T về chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Quá trình chung sống, đến năm 2018 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu say, không tu trí làm ăn, không quan tâm vợ con. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy, mục đích hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng giữa chị Đ và anh T không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị Đ được ly hôn với anh T là có căn cứ. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Văn T có 02 con chung là Hoàng Thị Y, sinh ngày 18/12/2014, Hoàng Minh Đ, sinh ngày 21/9/2018, hiện hai con chung đang sống cùng chị Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án và cũng không đưa ra yêu cầu gì đối với con chung. Chị Nguyễn Thị Đ hiện nay đang làm công việc kế toán, ngoài giờ hành chính chị còn làm thêm tại quán ăn, tổng thu nhập hàng tháng của chị là 10.700.000đồng, thu nhập như vậy tại địa phương đảm bảo để chị có đủ điều kiện nuôi con. Xét thấy, từ khi chị Đ và anh T ly thân con chung ở cùng chị Đ, chị vẫn đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dạy con chung. Hơn nữa, cháu Hoàng Thị Y có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ để chấp nhận cho chị Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hoàng Thị Y, sinh ngày 18/12/2014, Hoàng Minh Đ, sinh ngày 21/9/2018, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Đ, anh Hoàng Văn T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ. Xử cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Y, sinh ngày 18/12/2014, Hoàng Minh Đ, sinh ngày 21/9/2018 cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Nguyễn Thị Đ đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2021/0004235, ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THA dân sự huyện H;
- VKS tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã S, huyện V, TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Quốc Bảo